

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020

Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Hướng dẫn thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020¹.

¹ Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh²

Thông tư này hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 và Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 16/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp viễn thông tham gia thực hiện Chương

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Thực hiện Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 và Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020. ”

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

trình;

2. Đối tượng được thụ hưởng của Chương trình.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

HỖ TRỢ THIẾT LẬP HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

Điều 3. Các nhiệm vụ và nội dung hỗ trợ thiết lập hạ tầng viễn thông

Các nhiệm vụ và nội dung hỗ trợ thiết lập hạ tầng viễn thông bao gồm:

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng mạng cáp quang tối đa 24 sợi để thiết lập hệ thống truyền dẫn băng rộng đến các xã chưa có kết nối truyền dẫn băng rộng;

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng mạng cáp quang tối đa 64 sợi, tối đa 5 tuyến cáp để thiết lập mạng truy nhập băng rộng cố định tại mỗi xã chưa có mạng truy nhập băng rộng cố định;

3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng tại mỗi xã miền núi, hải đảo tối đa 03 trạm và mỗi xã đồng bằng tối đa 02 trạm thu phát sóng thông tin di động 3G để thiết lập mạng truy nhập băng rộng di động tại các xã chưa có mạng truy nhập băng rộng di động;

4. Hỗ trợ đầu tư 03 máy tính, 03 bộ lưu điện, 01 máy in hoặc máy scan, 01 bộ chuyển mạch LAN, bàn ghế và cước lắp đặt ban đầu tại mỗi điểm để thiết lập 500 điểm cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng tại các xã có tỷ lệ hộ gia đình là thuê bao sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định thấp và chưa có điểm truy nhập Internet công cộng.

Điều 4. Lập Danh mục dự án đầu tư thiết lập hạ tầng viễn thông

1. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Mẫu 01/HT Phụ lục ban hành theo Thông tư này:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp viễn thông lập Danh mục, sơ bộ Tổng mức đầu tư và thuyết minh các dự án tại địa phương thực hiện các nhiệm vụ tại các khoản 1, 2, 3 Điều 3 Thông tư này;

b) Doanh nghiệp viễn thông lập Danh mục, sơ bộ Tổng mức đầu tư và thuyết minh các dự án thực hiện nhiệm vụ tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

2. Trên cơ sở Danh mục, sơ bộ Tổng mức đầu tư và thuyết minh các dự án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và doanh nghiệp đề xuất, Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý Chương trình) tổng hợp và xác định các dự án theo các tiêu chí chủ yếu sau đây:

a) Phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương, doanh nghiệp viễn thông;

b) Quy mô dự án phù hợp với tiến độ triển khai và kinh phí Chương trình;

c) Đặc điểm và điều kiện địa phương;

- d) Vị trí địa lý của các địa điểm cần triển khai nhiệm vụ;
- đ) Thực trạng hạ tầng mạng viễn thông;
- e) Độc lập trong tổ chức thực hiện dự án và quản lý, vận hành, khai thác sau đầu tư.

3. Ban Quản lý Chương trình trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Danh mục và sơ bộ Tổng mức đầu tư các dự án cho toàn bộ Chương trình.

Điều 5. Lập kế hoạch đầu tư

Căn cứ Danh mục và sơ bộ Tổng mức đầu tư các dự án được phê duyệt, kinh phí thực hiện Chương trình, Ban Quản lý Chương trình trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch đầu tư các dự án và mức vốn các dự án như sau:

1. Năm 2016, phê duyệt Kế hoạch đầu tư các dự án khởi công trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018.

2. Năm 2018 phê duyệt Kế hoạch đầu tư các dự án khởi công trong năm 2019 và năm 2020.

Điều 6. Lựa chọn Chủ đầu tư

1. Tiêu chí và điều kiện lựa chọn Chủ đầu tư:

- a) Kinh phí đề xuất hỗ trợ và Tổng mức đầu tư của dự án;
- b) Dự kiến thời gian thực hiện dự án;
- c) Yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng công trình dự án;
- d) Tỷ trọng hạ tầng mạng viễn thông tại địa phương;
- đ) Kinh phí hỗ trợ một doanh nghiệp để thiết lập hạ tầng viễn thông trong toàn bộ Chương trình không vượt quá 70% tổng kinh phí dành cho đầu tư thiết lập hạ tầng viễn thông của Chương trình.

2. Căn cứ Kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt, Ban Quản lý Chương trình lập và gửi Hồ sơ mời đăng ký tham gia đến doanh nghiệp theo Mẫu 02/HT Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Doanh nghiệp gửi Ban Quản lý Chương trình Hồ sơ đăng ký tham gia theo Mẫu 03/HT Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Căn cứ các tiêu chí lựa chọn Chủ đầu tư và Hồ sơ đăng ký tham gia, Ban Quản lý Chương trình trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chủ đầu tư đối với từng dự án.

5. Trường hợp chỉ có duy nhất một doanh nghiệp tham gia và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ đăng ký tham gia, Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định doanh nghiệp đó làm Chủ đầu tư thực hiện dự án.

6. Trong trường hợp không lựa chọn được doanh nghiệp theo khoản 4, 5 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông giao một doanh nghiệp làm Chủ đầu tư dựa trên một số tiêu chí chủ yếu: Năng lực mạng lưới và tài chính của doanh

nghiệp, thực trạng hạ tầng viễn thông tại địa phương.

Điều 7. Tổ chức thực hiện, quản lý dự án

1. Chủ đầu tư lập dự án và trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.
2. Chủ đầu tư thực hiện và quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu, xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán
 - a) Việc tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo các quy định của pháp luật;
 - b) Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hoặc đơn vị được ủy thác việc cấp phát kinh phí của Chương trình thực hiện tạm ứng và thanh toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật và quy định về quản lý tài chính của Quỹ.
4. Chủ đầu tư thực hiện tiếp nhận tài sản, quản lý tài sản theo các quy định của pháp luật.
5. Hàng năm, doanh nghiệp (Chủ đầu tư) xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn/nâng cấp tài sản nêu tại khoản 4 Điều này gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, bố trí kinh phí từ Chương trình để thực hiện theo quy định.

Mục 2

HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Điều 8. Dịch vụ viễn thông công ích

1. Dịch vụ viễn thông công ích bắt buộc bao gồm:
 - a) Dịch vụ viễn thông công ích khẩn cấp (dịch vụ gọi đến các số dịch vụ khẩn cấp, bao gồm số dịch vụ gọi Công an 113, số dịch vụ gọi Cứu hỏa 114, số dịch vụ gọi Cấp cứu y tế 115);
 - b) Dịch vụ viễn thông công ích di động hàng hải phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển qua hệ thống đài thông tin duyên hải;
 - c) Dịch vụ viễn thông công ích vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai.
2. Dịch vụ viễn thông công ích phổ cập bao gồm:
 - a) Dịch vụ viễn thông công ích trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định (dịch vụ gọi đến số trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại mạng viễn thông cố định mặt đất 116);
 - b) Dịch vụ viễn thông công ích điện thoại cố định mặt đất trả sau;
 - c) Dịch vụ viễn thông công ích thông tin di động mặt đất trả sau;
 - d) Dịch vụ viễn thông công ích di động hàng hải cho tàu, thuyền đánh bắt hải sản trên biển qua hệ thống đài thông tin duyên hải;
 - đ) Dịch vụ viễn thông công ích truy nhập Internet băng rộng cố định trả sau;

- e) Dịch vụ viễn thông công ích kênh thuê riêng cố định mặt đất;
- g) Dịch vụ viễn thông công ích truyền dẫn tín hiệu truyền hình số qua vệ tinh VINASAT;
- h) Dịch vụ viễn thông công ích thuê kênh truyền dẫn cáp quang trên cơ sở hạ tầng cáp quang của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- i)³ Dịch vụ viễn thông công ích thuê truyền dẫn vi ba số để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo;
- k)⁴ Dịch vụ viễn thông công ích thuê kênh truyền dẫn vệ tinh để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo.

Điều 9. Đối tượng thụ hưởng

1. Đối tượng được hưởng giá cước dịch vụ viễn thông công ích:

- a) Người sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất nội hạt gọi đến các số dịch vụ khẩn cấp trong phạm vi nội hạt và người sử dụng dịch vụ thông tin di động mặt đất gọi đến các số dịch vụ khẩn cấp⁵;
- b) Ngư dân Việt Nam trên tàu, thuyền đánh bắt hải sản trên biển sử dụng dịch vụ viễn thông công ích di động hàng hải qua hệ thống đài thông tin duyên hải phục vụ hoạt động trong các sự kiện tìm kiếm, cứu nạn trên biển;
- c) Thành viên thuộc Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai sử dụng dịch vụ viễn thông công ích vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành, phòng, chống thiên tai;
- d) Người sử dụng dịch vụ viễn thông công ích điện thoại cố định mặt đất nội hạt để gọi đến số dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định mặt đất;
- đ) Hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo quốc gia, chuẩn cận nghèo quốc gia sử dụng dịch vụ viễn thông công ích điện thoại cố định mặt đất trả sau hoặc dịch vụ thông tin di động mặt đất trả sau;

³ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

⁴ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

⁵ Cụm từ “và người sử dụng dịch vụ thông tin di động mặt đất gọi đến các số dịch vụ khẩn cấp” được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

e) Ngư dân Việt Nam trên tàu, thuyền đánh bắt hải sản trên biển sử dụng dịch vụ viễn thông công ích di động hàng hải qua hệ thống đài thông tin duyên hải;

g) Trường học, bệnh viện, ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định sử dụng dịch vụ viễn thông công ích truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất trả sau;

h) Bệnh viện vệ tinh, bệnh viện hạt nhân trong Đề án bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2013-2020 theo Quyết định số 774/QĐ-BYT ngày 11/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế sử dụng dịch vụ viễn thông công ích kênh thuê riêng cố định mặt đất⁶ để kết nối bệnh viện vệ tinh với bệnh viện hạt nhân của nhóm;

i) Đài phát thanh, truyền hình cấp tỉnh chưa tự chủ về tài chính sử dụng dịch vụ viễn thông công ích truyền dẫn quảng bá cho một kênh chương trình truyền hình địa phương sử dụng băng tần Ku của vệ tinh VINASAT để phát chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương cho các khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, các vùng lũng khó thu được tín hiệu truyền hình số mặt đất.

2. Đối tượng được hưởng mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

a) Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ cho các đối tượng thụ hưởng nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng thuộc phạm vi Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 theo Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Doanh nghiệp viễn thông thuê sợi cáp quang của đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam để kết nối từ đất liền tới trung tâm hành chính của các huyện đảo⁷;

d)⁸ Doanh nghiệp viễn thông thuê kênh truyền dẫn vệ tinh để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo;

⁶ Cụm từ “tốc độ 2 Mbps có dự phòng” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

⁷ Cụm từ “Cát Hải, Cô Tô, Lý Sơn, Phú Quốc, Vân Đồn” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

⁸ Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

đ)⁹ Doanh nghiệp viễn thông thuê truyền dẫn vi ba số để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo.

Điều 10. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Danh mục, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, giá cước sử dụng, mức và thời điểm hỗ trợ thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về danh mục, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, chất lượng, giá cước, khung giá cước sử dụng và mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

2. Đối tượng thụ hưởng quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 9 Thông tư này không phải lập danh sách đối tượng thụ hưởng.

3.¹⁰ Đối tượng thụ hưởng quy định tại các điểm đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 9; các điểm truy nhập Internet công cộng nêu tại điểm b khoản 2 Điều 9 và các đảo thuộc huyện đảo được doanh nghiệp viễn thông thuê kênh truyền dẫn vệ tinh, thuê truyền dẫn vi ba số để cung cấp dịch vụ băng rộng nêu tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 9 Thông tư này được lập thành danh sách đối tượng thụ hưởng và được Sở Thông tin và Truyền thông (Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch đối với tỉnh Bạc Liêu) xác nhận.

a) Đối tượng phát sinh trong quý ngoài danh sách đối tượng thụ hưởng đã được xác nhận, doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông xác nhận để hỗ trợ đối tượng đó từ quý tiếp theo;

b) Đối tượng thụ hưởng trong danh sách đối tượng thụ hưởng đăng ký ngừng hỗ trợ, doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông và ngừng hỗ trợ cho đối tượng.

4. Các đối tượng thụ hưởng được hỗ trợ kinh phí trên thực tế, không phụ thuộc kế hoạch cung cấp và dự toán kinh phí hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích hàng năm (sau đây gọi tắt là Kế hoạch và Dự toán kinh phí).

Điều 11. Lập và xác nhận danh sách đối tượng thụ hưởng

1. Đăng ký hỗ trợ

a) Đối tượng thụ hưởng quy định tại các điểm đ, g, h, i khoản 1 Điều 9 Thông tư này thực hiện đăng ký hỗ trợ với doanh nghiệp viễn thông hoặc đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp viễn thông theo các Phụ biểu tại Mẫu 01/DV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

⁹ Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

b) Đối tượng thụ hưởng quy định tại điểm e khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 9 Thông tư này không phải đăng ký hỗ trợ, doanh nghiệp lập và gửi Sở Thông tin và Truyền thông danh sách đối tượng thụ hưởng theo các Phụ biểu tại Mẫu 02/DV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Lập danh sách đối tượng thụ hưởng đăng ký hỗ trợ

a) Doanh nghiệp viễn thông lập và gửi về Sở Thông tin và Truyền thông danh sách đối tượng thụ hưởng đăng ký hỗ trợ theo các Phụ biểu tại Mẫu 02/DV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Doanh nghiệp viễn thông lựa chọn chỉ một thuê bao hoặc một gói cước hoặc một kênh thuê riêng hoặc một kênh chương trình được đăng ký sau cùng cho một đối tượng thụ hưởng khi đối tượng thụ hưởng đăng ký hỗ trợ nhiều hơn một thuê bao hoặc một gói cước hoặc một kênh thuê riêng hoặc một kênh chương trình truyền hình.

3. Xác nhận danh sách đối tượng thụ hưởng

a) Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra và xác nhận các danh sách đối tượng thụ hưởng, đảm bảo đúng đối tượng hỗ trợ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về danh mục, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, giá cước sử dụng và mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;

b) Trường hợp đối tượng thụ hưởng đăng ký hỗ trợ với nhiều doanh nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông xác định doanh nghiệp được đăng ký sau cùng là doanh nghiệp hỗ trợ cho đối tượng đó;

c) Sở Thông tin và Truyền thông gửi doanh nghiệp và Ban Quản lý Chương trình danh sách đối tượng thụ hưởng đã được xác nhận theo các Phụ biểu tại Mẫu 02/DV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cập nhật đối tượng phát sinh

a) Hàng quý, doanh nghiệp lập danh sách đối tượng thụ hưởng phát sinh trong quý và gửi Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày thứ 15 của quý tiếp theo;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được danh sách đối tượng phát sinh, Sở Thông tin và Truyền thông xác nhận, gửi doanh nghiệp và Ban Quản lý Chương trình danh sách này.

Điều 12. Lập Kế hoạch và Dự toán kinh phí hàng năm

1. Trước ngày 30 tháng 9 hàng năm, căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, danh sách đối tượng thụ hưởng đã được xác nhận và tình hình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích năm thực hiện, doanh nghiệp lập Kế hoạch và Dự toán kinh phí gửi Ban Quản lý Chương trình theo các Phụ biểu tại Mẫu 03/DV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Ban Quản lý Chương trình trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch và Dự toán kinh phí của các doanh nghiệp.

3. Đối với năm 2016, doanh nghiệp lập Kế hoạch và Dự toán kinh phí sau thời điểm Thông tư này được ban hành.

Điều 13. Hợp đồng đặt hàng

1. Trước ngày 01 tháng 01 hàng năm, căn cứ Kế hoạch và Dự toán kinh phí được phê duyệt, Ban Quản lý Chương trình và doanh nghiệp thương thảo, ký kết hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) theo Mẫu 04/DV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Doanh nghiệp thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo nội dung Hợp đồng đã ký kết.

Điều 14. Nghiệm thu, quyết toán và thanh lý hợp đồng đặt hàng

1. Trong thời gian 20 ngày đầu mỗi quý, doanh nghiệp lập Báo cáo thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích quý trước theo các Phụ biểu tại Mẫu 05/DV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi Ban Quản lý Chương trình.

2. Trong thời gian 30 ngày kể từ khi nhận được Báo cáo thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích quý trước, Ban Quản lý Chương trình tổ chức lập biên bản xác định sản lượng và kinh phí hỗ trợ theo các Phụ biểu tại Mẫu 06/DV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hoặc đơn vị được ủy thác việc cấp phát kinh phí của Chương trình để thực hiện tạm ứng, thanh toán kinh phí hỗ trợ.

3. Trước ngày 31 tháng 3 hàng năm, Ban Quản lý Chương trình và doanh nghiệp tổ chức và lập biên bản nghiệm thu và biên bản thanh lý Hợp đồng năm trước theo các Phụ biểu tại Mẫu 07/DV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ theo các quy định của pháp luật.

Mục 3

THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ

Điều 15. Đối tượng, điều kiện, phương thức, nội dung, vùng và thời gian thực hiện hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ

Các hộ nghèo và hộ cận nghèo theo tiêu chuẩn nghèo, cận nghèo quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm thực hiện hỗ trợ đầu thu truyền hình số và thuộc vùng hỗ trợ.

2. ¹¹ Điều kiện nhận hỗ trợ

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

a) Đầu thu truyền hình số mặt đất: Hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc vùng hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất, đã có máy thu hình công nghệ tương tự chưa tích hợp tính năng thu truyền hình số theo chuẩn DVB-T2, chưa có đầu thu truyền hình số DVB-T2, chưa sử dụng bất kỳ một trong các phương thức truyền hình trả tiền như truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh, truyền hình Internet (IPTV) trong thời gian triển khai hỗ trợ tại địa phương.

b) Đầu thu truyền hình số qua vệ tinh: Hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc vùng hỗ trợ đầu thu truyền hình số qua vệ tinh, đã có máy thu hình, không thu xem được truyền hình số mặt đất DVB-T2 và chưa sử dụng bất kỳ một trong các phương thức truyền hình trả tiền như truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh, truyền hình Internet (IPTV) trong thời gian triển khai hỗ trợ tại địa phương.

c) Đơn đề nghị nhận hỗ trợ đầu thu truyền hình số có xác nhận là hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã, phường, thị trấn theo Mẫu 01/THS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Phương thức và nội dung hỗ trợ

Mỗi hộ nghèo, hộ cận nghèo được nhận một lần gồm 01 đầu thu truyền hình số mặt đất hoặc vệ tinh kèm theo ăng-ten thu phù hợp cùng với dây cáp nối có độ dài tối đa 15 mét (đối với chế độ thu ngoài trời), được lắp đặt hoàn chỉnh và bảo hành ít nhất 12 tháng tính từ ngày hộ gia đình nhận bàn giao đầu thu truyền hình số.

4. Vùng hỗ trợ

Vùng hỗ trợ là vùng mà ở đó các hộ dân thu tín hiệu truyền hình bị ảnh hưởng khi các Đài truyền hình ngừng phát sóng truyền hình tương tự mặt đất chuyển sang phát sóng truyền hình số mặt đất hoặc vệ tinh theo từng giai đoạn do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố.

5. ¹² Thời gian thực hiện hỗ trợ

Thời gian thực hiện hỗ trợ theo lộ trình của Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 được quy định tại Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 14/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 và kế hoạch thực hiện của Ban Chỉ đạo Đề án số hóa truyền hình Việt Nam theo từng giai đoạn.

Điều 16. Lập kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ

¹² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

1. Trước ngày 30 tháng 9 hàng năm, căn cứ Hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập và gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư truyền hình số theo Mẫu 02/THS, 03/THS, 04/THS, 05/THS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Ban Quản lý Chương trình tổng hợp, trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư truyền hình số.

Điều 17. Tổ chức thực hiện dự án mua sắm, lắp đặt đầu tư truyền hình số

1. Trên cơ sở Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư truyền hình số đã được phê duyệt, Bộ Thông tin và Truyền thông lựa chọn đơn vị trực thuộc Bộ làm chủ đầu tư để thực hiện và quản lý dự án mua sắm đầu tư truyền hình số.

2. Đơn vị được chọn làm chủ đầu tư xây dựng, trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt dự án, tổ chức đấu thầu mua sắm đầu tư truyền hình số theo quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu sau khi dự án được phê duyệt và quyết toán dự án đầu tư theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức và phối hợp với chủ đầu tư, nhà thầu phân phối đầu tư truyền hình số đúng, kịp thời và trực tiếp cho các đối tượng được thụ hưởng theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện xác nhận danh sách đối tượng đã nhận đầu tư truyền hình số tại địa phương theo Mẫu 06/THS, 07/THS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hoặc đơn vị được ủy thác việc cấp phát kinh phí của Chương trình thực hiện tạm ứng, thanh toán đầy đủ, kịp thời kinh phí hỗ trợ đầu tư truyền hình số theo các quy định của pháp luật và quy định về quản lý tài chính của Quỹ.

6. Kinh phí tổ chức, triển khai, kiểm tra, giám sát và xác nhận hỗ trợ đầu tư truyền hình số thuộc nhiệm vụ của địa phương được trích từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác.

7. Căn cứ khả năng ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư truyền hình số mặt đất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tiêu chuẩn hộ nghèo, cận nghèo của địa phương và các đối tượng chính sách xã hội.

Mục 4 THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

Điều 18. Các nhiệm vụ khác

1. Hỗ trợ triển khai các giải pháp tăng cường bảo đảm liên lạc an toàn, tin cậy trong việc thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông cho cộng đồng và

cho chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp.

2. Hỗ trợ thiết lập công thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các cấp và dịch vụ công trực tuyến trên công phục vụ người dân, tập trung cho vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng biên giới, hải đảo.

3. Hỗ trợ đầu tư trang bị máy phát truyền hình số mặt đất để phát các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng biên giới, hải đảo.

4. Hỗ trợ thiết lập công thông tin điện tử và tổng đài hỗ trợ, tư vấn giải đáp thông tin về số hóa truyền hình.

5. Hỗ trợ kinh phí thực hiện điều tra phương thức thu xem và tuyên truyền về số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020.

Điều 19. Trình tự thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn lập, phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ.

2. Đơn vị được lựa chọn, giao thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

KIỂM TRA, GIÁM SÁT, BÁO CÁO, TẠM ỨNG, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN¹³

Điều 20a. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán dự án, hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình¹⁴

1. Tạm ứng, thanh toán các hợp đồng thuộc dự án thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình áp dụng quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Quyết toán dự án hoàn thành áp dụng quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

¹³ Tên Chương này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

¹⁴ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Điều 20. Kiểm tra, giám sát và báo cáo

1. Kiểm tra, giám sát

a) Hàng năm, Ban Quản lý Chương trình lập kế hoạch, nội dung kiểm tra định kỳ, đột xuất, trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt; phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan của Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức việc kiểm tra thực hiện các dự án, hợp đồng.

b) Hàng năm, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức, phối hợp kiểm tra định kỳ, đột xuất theo kế hoạch kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc theo yêu cầu quản lý của địa phương.

c) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì đề xuất kế hoạch, nội dung kiểm tra, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức hoặc phối hợp kiểm tra định kỳ, đột xuất các dự án, hợp đồng.

d) Các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình tổ chức và phối hợp kiểm tra định kỳ, đột xuất và giám sát thường xuyên các nội dung triển khai của Chương trình theo quy định hiện hành.

2. Báo cáo

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định chế độ báo cáo thực hiện Chương trình trên địa bàn.

b) Sở Thông tin và Truyền thông, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, Ban quản lý Chương trình, các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

c) Các biểu mẫu báo cáo định kỳ được quy định tại Mẫu 01/BC, 02/BC, 03/BC Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Các báo cáo đột xuất được Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn trong quá trình thực hiện triển khai Chương trình.

d) Các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình thực hiện báo cáo định kỳ theo các mẫu biểu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Thông tư này và các báo cáo đột xuất do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn trong quá trình thực hiện.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện sơ kết, tổng kết Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, Ngành liên quan.

Điều 21. Tổ chức thực hiện¹⁵

¹⁵ Điều 2, Điều 3 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020 có quy định như sau:

“Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư, hợp đồng đặt hàng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan thuộc Bộ, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để nghiên cứu, giải quyết./

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: **03** /VBHN-BTTTT

Hà Nội, ngày **25** tháng **8** năm 2020

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, QLDN (10b).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

2. Việc hỗ trợ đầu thu truyền hình số trong năm 2020 thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan thuộc Bộ, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để nghiên cứu, giải quyết./”